

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 10-HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2025

V/v: “*Kiện xin ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10-HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Trung.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Sao Hôm và ông Nguyễn Văn Đoàn.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Thị Hằng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà:** Ông Vũ Văn Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10-Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 208/2025/TLST-HNGĐ, ngày 09/10/2025, về việc Ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXX-ST ngày 09/12/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/10/1971. CCCD số 030171022215. Nơi cư trú: Thôn N, xã N, TP ..

- *Bị đơn:* Anh Đào Văn M, sinh ngày 09/10/1969. Giấy CMND số 142528429. Nơi cư trú: Thôn N, xã N, TP ..

(Chị H và anh M đều xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Đào Văn M từ năm 1988 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Hải Phòng và được gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương. Do thời gian dài, chị không còn giữ được Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và đến Ủy ban nhân dân xã cũng xác nhận không còn sổ theo dõi kết hôn năm 1988 nên chị không cung cấp được cho Tòa án Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chị bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2016. Anh M là người bạo lực gia đình, thường xuyên đánh chửi chị thậm tệ, anh M còn có quan hệ ngoài luồng. Mặc dù đã được chính quyền địa phương thôn xóm, gia đình khuyên ngăn nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị đã nộp đơn đến Tòa án hai lần xin ly hôn anh M nhưng vì con cái, được sự hòa giải, động viên của Tòa án, chị đã rút đơn về đoàn tụ nhưng anh M không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống không một ngày bình yên, hạnh phúc do anh M không thay đổi mà càng hành hạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị.

Nay chị xét thấy vợ chồng mâu thuẫn đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn anh M để ổn định cuộc sống.

*Về con chung:* Vợ chồng chị có ba con chung là Đào Thị S, sinh năm 1992, Đào Thị N, sinh năm 1998 và Đào Thị H1, sinh năm 2003. Cả ba con chung đều đã trưởng thành, tự lập, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, anh Đào Văn M trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị H trình bày. Anh đã để mất Giấy chứng nhận kết hôn. Anh xác định anh và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Hải Phòng vào năm 1988 và được gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh xác định, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống thuận hòa, hạnh phúc. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thiếu tin tưởng nhau; thỉnh thoảng cãi chửi nhau; bản thân anh cũng có lúc uống rượu không làm chủ được bản thân nên đã có vài lần tát, mắng chửi chị H; chị H cũng có đánh chửi lại anh. Gia đình, vợ chồng thường xuyên lục đục kéo dài. Chị H nhiều lần bỏ về ngoại sinh sống, có lần ly thân cả năm nhưng anh đã động viên và chị H lại về đoàn tụ. Chị H cũng đã hai lần gửi đơn ly hôn anh đến Tòa án nhưng được sự động viên của Tòa án và mọi người nên đã rút đơn về đoàn tụ. Lần này, vợ chồng anh đã sống ly thân từ ngày 19/4/2025 đến nay.

Nay chị H xin ly hôn, anh xác định vẫn còn yêu thương chị H nên không muốn ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải động viên chị H về đoàn tụ giúp anh, nếu chị H vẫn cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật.

*Về con chung:* Vợ chồng anh có 3 con chung là Đào Thị S, sinh năm 1992, Đào Thị N, sinh năm 1998 và Đào Thị H1, sinh năm 2003. Cả ba cháu đều đã trưởng thành, tự lập và đều đã có gia đình riêng.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị H xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh M, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Anh M xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như lời khai của anh và quan điểm như Biên bản hòa giải tại Tòa án.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa tóm tắt nội dung vụ án và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn

giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh M.

Về con chung và tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân khu vực 10-Hải Phòng có đủ cơ sở xác định:*

[1] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà:* Chị Nguyễn Thị H và anh Đào Văn M đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Đào Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn năm 1988 tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Hải Phòng. Mặc dù anh chị khai để mất Giấy chứng nhận kết hôn và xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N cũng cho kết quả: Không còn sổ theo dõi việc kết hôn năm 1988. Tuy nhiên, qua lời khai của chị H, anh M và anh T là anh trai chị H đều xác định anh M và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là xã N), thành phố Hải Phòng; đồng thời tại các Giấy khai sinh của các con anh M và chị H là Đào Thị S, sinh năm 1992, Đào Thị N, sinh năm 1998 và Đào Thị H1, sinh năm 2003, đều ghi tên bố là Đào Văn M và mẹ là Nguyễn Thị H; ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thành phố Hải Phòng, là anh trai chị H cung cấp: Chị H và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương (Nay là xã N, thành phố Hải Phòng) vào khoảng tháng 02/1988 (ông T không nhớ chính xác ngày tháng nào), ông là người đi cùng chị H và anh M đến Ủy ban nhân dân xã L để làm thủ tục đăng ký kết hôn; được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương. Như vậy, có căn cứ xác định chị Nguyễn Thị H và anh Đào Văn M có được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương (Nay là xã N, thành Phố Hải Phòng) vào năm 1988, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị H và anh M là do vợ chồng không đồng cảm trong cuộc sống, sinh hoạt. Vợ chồng thường hay xảy ra xung đột,

đánh cãi nhau. Anh M là người bạo lực gia đình, thường có hành vi chửi bới, xúc phạm nhân phẩm danh dự, bạo hành, đánh đập, đe dọa tính mạng chị H.

Chị Đào Thị H1, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2003. Là con anh Đào Văn M và chị Nguyễn Thị H cũng xác nhận: Bố mẹ chị có nhiều mâu thuẫn, bố thường xuyên đánh chửi, hành hạ, xúc phạm danh dự nhân phẩm mẹ. Mẹ chị đã nhiều lần gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng vì con cái và Tòa án động viên nên mẹ đã rút đơn về đoàn tụ với bố. Do bố không thay đổi, vẫn thường xuyên đánh chửi mẹ và bố còn có quan hệ ngoài luồng, bố công khai thuê trọ ở cùng bạn gái. Nay mẹ xin ly hôn bố, chị là con không muốn bố mẹ ly hôn nhưng đề mẹ có cuộc sống ổn định, an bình, không phải chịu sự hành hạ của bố nên việc mẹ xin ly hôn bố, chị cũng đồng ý quan điểm của mẹ và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thành phố Hải Phòng, là anh trai chị H cung cấp: Trong cuộc sống vợ chồng H - M có nhiều mâu thuẫn, do anh M trai gái, đánh đập, chửi bới vợ con hằng ngày. Gia đình hai bên đều đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh M vẫn chứng nào tật ấy, không thay đổi nên cuộc sống của chị H bế tắc, cực khổ cùng tận.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh M đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh M là phù hợp với quy định tại Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh M có 3 con chung là Đào Thị S, sinh năm 1992, Đào Thị N, sinh năm 1998 và Đào Thị H1, sinh năm 2003. Cả ba con chung đều đã trưởng thành, tự lập và đều đã có gia đình riêng, nên không phải giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H và anh M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn anh M, không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên chị phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1/ Căn cứ vào:** Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**2/ Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đào Văn M.

**3/ Về án phí:** Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng chị đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo biên lai ký hiệu: BLTU/25E số: 0003284 ngày 08 tháng 10 năm 2025.

**4/ Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H và anh M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 10-Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Nam An Phụ, TP. Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Trung**